

ỦY BAN DÂN TỘC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2017/TT-UBDT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ Quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỉ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình 135;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và địa bàn thực hiện

1. Thông tư này quy định chi tiết thực hiện Dự án 2: Chương trình 135 (sau đây gọi là Chương trình) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định số 1722/QĐ-TTg).

2. Địa bàn thực hiện: Các xã đặc biệt **khó khăn**, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn (bản, buôn, làng, xóm, ấp) đặc biệt **khó khăn** vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc diện đầu tư Chương trình theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sau đây gọi là các xã, thôn).

3. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thực hiện theo điểm b, khoản 6, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

1. Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, phát huy tinh thần tự lực tự cường của người dân và cộng đồng; đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

2. Phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống, thiết chế cộng đồng có ý nghĩa tích cực trong công tác giảm nghèo; đảm bảo các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

3. Đa dạng hóa và lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình; tăng cường sự phối hợp, liên kết hợp tác giữa tổ chức, cá nhân có liên quan; đầu tư trước cho các xã, thôn khó khăn nhất, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ trên địa bàn.

4. Thực hiện phân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án, trao quyền tự chủ cho cộng đồng, gắn với nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá, đảm bảo “xã có công trình, dân có việc làm và tăng thêm thu nhập”.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình định kỳ, đột xuất (đúng theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg).

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN BỐ VỐN VÀ LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 3. Phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Ngân sách trung ương (NSTU) hỗ trợ tổng mức vốn hằng năm và cả giai đoạn cho từng tỉnh để thực hiện Chương trình theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTU và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

2. Ban Dân tộc hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân (đối với nơi không thành lập Ban Dân tộc) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ban Dân tộc) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình cho các xã, thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là UBND

tỉnh), trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là HĐND tỉnh) quyết định.

3. Hằng năm, căn cứ kế hoạch vốn do NSTU hỗ trợ, vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của tỉnh, Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp Chương trình cho các huyện, thị, ngành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Chương trình bằng ngân sách địa phương, UBND tỉnh bố trí vốn để thực hiện đảm bảo tối thiểu bằng định mức vốn đầu tư của NSTU.

5. Ban Dân tộc và Phòng Dân tộc huyện hoặc đơn vị được phân công đối với các huyện không thành lập Phòng Dân tộc (sau đây gọi là Phòng Dân tộc) phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND cùng cấp lồng ghép việc thực hiện các chính sách dân tộc và chính sách hỗ trợ giảm nghèo với các hoạt động thuộc Chương trình; thúc đẩy giảm nghèo nhanh bền vững và hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (ưu tiên các dịch vụ gắn với tiêu chí nghèo đa chiều).

6. Sau khi được phân bổ và giao kế hoạch vốn chi tiết cho các hoạt động sự nghiệp, đầu tư công trình, dự án, Ban Dân tộc tổng hợp danh mục các hoạt động, công trình, dự án của Chương trình báo cáo Ủy ban Dân tộc.

Điều 4. Lập kế hoạch thực hiện Chương trình

1. Lập kế hoạch hằng năm và cả giai đoạn là một phần của lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

Các hoạt động thuộc Chương trình phải phù hợp với các quy hoạch, đề án, kế hoạch của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải có trong danh mục hoạt động của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Lập kế hoạch thực hiện Chương trình phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm, theo giai đoạn và dự kiến khả năng huy động các nguồn lực khác.

a) Vào đầu kỳ lập kế hoạch, theo hướng dẫn của các cơ quan trung ương, Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan cung cấp thông tin định hướng, dự kiến phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình cho cấp huyện; Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan cung cấp thông tin định hướng, dự kiến phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình cho các xã;

b) Việc phối hợp, lồng ghép các nguồn vốn, huy động nội lực cộng đồng và người dân phải được xác định cụ thể trong các hoạt động thuộc Chương trình;

c) Các hoạt động thuộc Chương trình được tổng hợp từ cấp xã lên cấp huyện, từ cấp huyện lên cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng ban liên quan thẩm định các hoạt động thuộc Chương trình trong dự thảo kế hoạch cấp xã, cung cấp thông tin phản hồi cho các xã để hoàn thiện kế hoạch cấp xã. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thẩm định các hoạt động thuộc

Chương trình trong dự thảo kế hoạch cấp huyện, cung cấp thông tin phản hồi cho các huyện để hoàn thiện kế hoạch cấp huyện.

3. Lập kế hoạch thực hiện Chương trình ở cấp xã phải có sự tham gia của chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng và hộ dân hưởng lợi.

a) Ban phát triển thôn tổ chức họp tham vấn với đại diện nhóm hộ nghèo, có sự tham gia của người có uy tín, đại diện tất cả các nhóm dân tộc trong thôn trong quá trình lấy ý kiến của nhân dân về các hoạt động đề xuất thuộc Chương trình; tỷ lệ phụ nữ tham dự họp không thấp hơn 30%;

b) Khi tổ chức lấy ý kiến của nhân dân ở thôn phải xác định rõ cơ chế thực hiện của các hoạt động đề xuất thuộc Chương trình (lực lượng tham gia, đóng góp của người dân; cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng).

4. Quy trình, biểu mẫu lập kế hoạch thực hiện Chương trình áp dụng theo hướng dẫn chung của các bộ, ngành Trung ương, hướng dẫn cụ thể của UBND tỉnh và sở, ban, ngành về lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Kế hoạch, danh mục các hoạt động sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Dân tộc trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mục 2

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 5. Nội dung hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Các loại công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình là các công trình được quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg.

2. UBND tỉnh được dành tối đa 30% nguồn vốn đầu tư phát triển hằng năm để tập trung đầu tư một số công trình khởi công mới mà người dân có nhu cầu cấp thiết tại một số xã, thôn thuộc Chương trình theo hình thức luân phiên. Nguồn vốn tập trung đầu tư cho mỗi công trình không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến phân bổ cho xã, thôn theo giai đoạn; đảm bảo tất cả xã, thôn thuộc Chương trình được phân bổ đủ vốn đầu tư phát triển dự kiến theo giai đoạn.

3. Các công trình được bố trí vốn ngân sách nhà nước của Chương trình phải hoàn thành dứt điểm, thời gian thực hiện tối đa không quá 02 năm, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Các công trình có sử dụng trên 50% nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình phải gắn biển ghi tên công trình thuộc “Chương trình 135” và các thông tin cơ bản của đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, tổng vốn đầu tư, quy mô công trình, thời gian khởi công và hoàn thành.

Điều 6. Cơ chế hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Phân loại dự án:

a) **Dự án áp dụng cơ chế đặc thù** trong quản lý đầu tư xây dựng (sau đây gọi là **cơ chế đặc thù**): là dự án đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

b) **Dự án không áp dụng cơ chế đặc thù**: là dự án không đáp ứng đủ các tiêu chí áp dụng cơ chế đặc thù.

2. Cơ chế thực hiện:

a) Đối với dự án áp dụng cơ chế đặc thù:

Quy trình triển khai thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và quy định cụ thể của UBND tỉnh.

b) Đối với dự án không áp dụng cơ chế đặc thù:

Dự án do một xã quản lý sử dụng và không yêu cầu kỹ thuật phức tạp, UBND huyện giao cho UBND xã làm chủ đầu tư;

Dự án có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, phạm vi liên xã, UBND huyện giao cơ quan trực thuộc UBND huyện làm chủ đầu tư; UBND huyện là cấp quyết định đầu tư;

Quy trình triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định có liên quan.

Điều 7. Duy tu, bảo dưỡng và quản lý, vận hành công trình

1. Những công trình phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (bao gồm cả các công trình không được đầu tư bằng nguồn vốn của Chương trình) do UBND xã quản lý được sử dụng kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng của Chương trình để thực hiện.

Không sử dụng kinh phí của Chương trình để duy tu, bảo dưỡng công trình đã bàn giao cho hộ, nhóm hộ quản lý sử dụng.

2. Kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng chỉ sử dụng cho sửa chữa nhỏ, tu bổ, bảo trì thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của công trình; không sử dụng cho xây mới, nâng cấp, sửa chữa lớn công trình.

3. UBND xã là chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình.

a) Hằng năm, căn cứ quy trình duy tu, bảo dưỡng do UBND tỉnh ban hành và hiện trạng công trình trên địa bàn xã, UBND xã lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân và cộng đồng; tổ chức thảo luận công khai trước khi hoàn thiện kế hoạch và dự toán duy tu, bảo dưỡng, trình HĐND xã thông qua, đồng thời gửi UBND huyện tổng hợp;

b) Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng của UBND huyện và Nghị quyết của HĐND xã, UBND xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và giao cho tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu thực hiện hoặc giao cho trưởng thôn tổ chức các hộ gia đình trong thôn thực hiện duy tu, bảo dưỡng đối với công trình do thôn quản lý;